

## **Việt Nam**

Tăng trưởng GDP đã được đẩy nhanh trong năm vừa qua nhờ sự hồi phục của xuất khẩu và những điều tiết trong chính sách tiền tệ. Lạm phát tăng cao lên mức hai con số vào cuối năm, và đồng tiền bị trượt giá. Nhằm khôi phục sự ổn định kinh tế vĩ mô, trong tháng 2 năm 2011 các nhà quản lý đã đưa ra các biện pháp chính sách tổng thể bao gồm việc thắt chặt chính sách tài chính và tiền tệ. Một phần vì nguyên nhân này mà tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo sẽ chậm lại trong năm nay, sau đó sẽ tăng trở lại trong năm tới. Lạm phát được dự báo sẽ giảm nhiệt vào cuối năm 2011 và tiếp tục giảm trong năm 2012. Thách thức trước mắt là tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ; và thách thức về dài hạn hơn là tiếp tục đẩy mạnh những cải cách cơ cấu.

### **Hoạt động kinh tế**

Tăng trưởng kinh tế đạt mức 6,8% trong năm 2010 (Biểu đồ 3.31.1 bản tiếng Anh), nhờ sự hồi phục của kinh tế toàn cầu, tác động tồn dư của gói kích thích tài chính trong nước từ năm 2009, và việc điều tiết chính sách tiền tệ. Tăng trưởng tiêu dùng mạnh ở mức 9,7% đã kích thích đầu tư cho khu vực tư nhân.

Tính theo ngành, công nghiệp tăng trưởng 7,7% và đóng góp 3,2 điểm phần trăm cho tổng tăng trưởng GDP. Nhu cầu từ bên ngoài tăng mạnh đã tạo ra mức tăng trưởng 8,4% trong lĩnh vực chế tạo, cùng với đầu tư cơ sở hạ tầng công cộng đã đẩy mạnh sự tăng trưởng của ngành xây dựng ở mức 10,1%. Khối dịch vụ tăng trưởng 7,5% và đóng góp 3,1 điểm phần trăm cho tổng tăng trưởng GDP. Giao dịch bán buôn và bán lẻ tăng trưởng 8,1%, phản ánh sự tăng trưởng về tiêu dùng tư nhân, cùng với khối khách sạn và nhà hàng tăng trưởng 8,7% nhờ có sự tăng mạnh lên đến 34,89% số lượng khách du lịch đến Việt Nam.

Tuy nhiên sản lượng nông nghiệp lại tăng trưởng chậm, chỉ đạt mức 2,8% trong năm 2010, do lũ lụt ở miền Trung và sau đó là hạn hán ở miền Bắc.

Tăng trưởng kinh tế nhanh góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị, và tỷ lệ nghèo đói đã giảm xuống còn 10,6% so với mức 12,3% trong năm 2009, dựa trên phương pháp tính tỷ lệ nghèo chính thức.

Lạm phát tăng cao lên mức 11,8% trong tháng 12 năm 2010 và ở mức trung bình 9,2% cho cả năm 2010, mức cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Tính đến tháng 3 năm 2011, lạm phát cả năm vẫn ở mức 13,9% (Biểu đồ 3.31.2 bản tiếng Anh) mà những nguyên nhân hàng đầu là do giá lương thực và học phí tăng cao. Mức tín dụng tăng lên 32,4%, cao hơn so với mục tiêu

chính thức được đặt ra là 25%, nhưng có thấp hơn một chút so với mức 39,6% của năm trước đó.

Sự lo ngại trong dân chúng về việc mất sức mua, cùng với sự trượt giá của đồng tiền – Việt Nam đồng – đã đẩy mạnh nhu cầu mua vàng và đô-la Mỹ. Số tiền gửi bằng ngoại tệ đã leo lên mức 21% trong năm 2010. Đồng nội tệ phải chịu những áp lực phá giá mạnh từ thời điểm giữa năm, thể hiện qua sự chênh lệch giữa tỷ giá thị trường chợ đen và tỷ giá tham chiếu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV, ngân hàng trung ương); sự chênh lệch này có lúc tăng lên đến trên 10% vào tháng 1 năm 2011. SBV đã phá giá tiền đồng ở mức 9,3% trong tháng 2 năm 2011, và thu hẹp biên độ giao dịch tỷ giá giữa đồng đô-la và Việt Nam đồng từ  $\pm 3\%$  xuống còn  $\pm 1\%$ . Trong giai đoạn từ tháng 11 năm 2009 đến tháng 2 năm 2011, các cơ quan chức năng đã phá giá tiền đồng bốn lần, với tổng mức phá giá khoảng 20% so với đồng đô-la Mỹ (Biểu đồ 3.31.3 bản tiếng Anh).

Việc thiếu định hướng rõ ràng trong chính sách tiền tệ càng làm mất lòng tin. Ngân hàng Nhà nước đã bắt đầu rút gói kích thích tiền tệ từ cuối năm 2009, tăng lãi suất cơ bản, chấm dứt hỗ trợ lãi suất và trần lãi suất, nhưng trong năm 2010 SBV lại yêu cầu các ngân hàng giảm lãi suất cho vay. Với việc lạm phát tăng cao, trong tháng 11 năm 2010 SBV một lần nữa lại tăng lãi suất chính sách. Tuy nhiên việc thắt chặt này dường như chưa đủ để đối phó với tốc độ lạm phát đang ở hai con số vào lúc bấy giờ cũng như những phỏng đoán của thị trường về việc tiếp tục phá giá tiền Việt Nam đồng.

Khả năng hỗ trợ Việt Nam đồng của SBV bị hạn chế bởi lượng dự trữ ngoại tệ tương đối thấp, ước tính vào khoảng 12,4 tỷ đô-la vào cuối năm 2010 (tương đương với khoảng 1,9 tháng nhập khẩu – Biểu đồ 3.31.4 bản tiếng Anh).

Sự tăng trưởng trở lại của xuất khẩu trong năm ngoài phản ánh sự hồi phục trong giao dịch thương mại toàn cầu, đã góp phần giảm thâm hụt trong cán cân giao dịch thương mại xuống 7,1 tỷ đô-la, so với mức thâm hụt 8,3 tỷ đô-la trong năm 2009. Xuất khẩu đã tăng 26,4% tính theo giá trị bằng đô-la Mỹ. Các số liệu hải quan cho thấy sự tăng trưởng xuất khẩu mạnh các mặt hàng dệt may (tăng 23%), giày dép (25%), đồ điện tử và máy tính (29%). Tuy nhiên xuất khẩu dầu thô lại sụt giảm 20% vì lý do sản lượng khai thác giảm mạnh 40% do sự cạn kiệt của các mỏ dầu. Nhập khẩu tăng ở mức 21,2%, phản ánh nhu cầu đối với đầu vào cho các hoạt động chế tạo và sự phụ thuộc của Việt Nam đối với các thiết bị vốn được nhập khẩu.

Giao dịch thương mại với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc, PRC), đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, đã tăng mạnh nhờ hiệp định mậu dịch tự do giữa Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc được ký vào tháng 1 năm 2010. Số liệu hải quan cho thấy nhập khẩu từ Trung Quốc đã tăng 23% lên mức 18,0 tỷ đô-la và xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 49% lên mức 6,3 tỷ đô-la.

Sau khi có sự tăng trưởng lượng kiều hối và doanh thu từ du lịch, thâm hụt trong cán cân tài khoản thanh toán đã giảm còn 4,3 tỷ đô-la, tương đương với 4,0% GDP, mức thấp nhất trong vòng 4 năm qua. Tổng cán cân thanh toán cho thấy mức thâm hụt là 1,8 tỷ đô-la trong năm 2010 (Biểu đồ 3.31.5 bản tiếng Anh).

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ròng đã tăng khoảng 3% lên mức 7,1 tỷ đô-la trong năm 2010. Tuy nhiên số vốn FDI được duyệt ở mức 18,6 tỷ đô-la lại không đạt được mục tiêu và thấp hơn nhiều so với năm 2009, phản ánh sự thiếu chắc chắn của các nhà đầu tư đối với định hướng về chính sách. Số vốn FDI được duyệt đối với các dự án bất động sản sụt giảm, tuy nhiên số vốn được duyệt đối với lĩnh vực chế tạo tăng hơn hai lần.

Với việc phần lớn các gói kích thích tài chính được thực hiện trong giai đoạn suy thoái toàn cầu đi vào giai đoạn kết thúc vào cuối năm 2009, tổng mức thâm hụt tài chính của năm 2010 đã thu hẹp xuống mức 8,0% GDP. Trên thực tế, mức chi tiêu công được ước tính có rất ít thay đổi so với năm 2009, song nguồn thu và nguồn viện trợ đã tăng thêm khoảng 10%, phản ánh mức thu thuế từ các nguồn phi dầu mỏ đã tăng lên.

Tổng mức nợ công và nợ do nhà nước bảo lãnh, bao gồm cả những nghĩa vụ nợ dự phòng của các công ty quốc doanh, theo ước tính đã giảm một điểm phần trăm xuống mức 51,5% GDP trong năm 2010, vẫn còn cao hơn mức trần theo mục tiêu của chính phủ là 50%. Sự yếu kém của thị trường chứng khoán trong hai năm gần đây (chỉ số VN Index đã giảm 2,0% trong năm 2010) cũng đã cản trở những kế hoạch bán cổ phiếu của các doanh nghiệp nhà nước của chính phủ.

Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) do nhà nước sở hữu đã bị vỡ nợ vào cuối năm 2010 với khoản nợ đến hạn phải trả là 60 triệu đô-la trong số 600 triệu đô-la vay qua công thức hợp vốn. Một số tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế đã hạ mức xếp hạng của Việt Nam, với lý do những nghĩa vụ nợ dự phòng được chính phủ bảo đảm và những áp lực đối với kinh tế vĩ mô.

Chính phủ đã lên tiếng là sẽ không chi tiền cứu Vinashin, phát ra tín hiệu với các doanh nghiệp nhà nước khác là các doanh nghiệp này sẽ phải tự chịu trách nhiệm nếu họ tăng quá mức các khoản vay của mình. Vinashin sẽ được tái cơ cấu trong giai đoạn 3 năm nhằm cải thiện những vấn đề tài chính của doanh nghiệp này.

Xếp hạng của Việt Nam trong báo cáo *Doing Business 2011* của Ngân hàng Thế giới đã tăng lên hạng 78 từ hạng 88 của năm trước đó. Điều này thể hiện những cải thiện đáng kể trong việc đơn giản hoá thủ tục đăng ký kinh doanh, xin giấy phép xây dựng, tiếp cận tín dụng và quản lý thuế. Một chương trình hỗ trợ của chính phủ có tên là Đề án 30 nhằm cắt giảm thủ tục hành chính đối với các doanh nghiệp cũng hỗ trợ cho việc đơn giản hoá các thủ tục trên.

## **Những triển vọng kinh tế**

Chiến lược Phát triển Kinh tế-Xã hội giai đoạn 2011-2020 do Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua vào tháng 1 năm 2011 đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân hàng năm ở mức 7%-8%. Tuy nhiên trong tháng 2, Chính phủ đã tuyên bố đặt ưu tiên cho ổn định cao hơn tăng trưởng trong giai đoạn ngắn hạn, với việc Chính phủ cam kết khôi phục sự ổn định thông qua một gói chính sách (Nghị quyết 11 – Khung 3.31.1) với việc thực hiện các chính sách thắt chặt tài chính và tiền tệ trong năm 2011 nhằm kìm hãm lạm phát và ổn định kinh tế. Việc khôi phục niềm tin

của các nhà đầu tư sẽ đòi hỏi phải có những động thái chính sách bền vững và nhất quán cho tới khi lạm phát thực sự giảm.

SBV đã tăng tỷ lệ tái cấp vốn từ 9,0% lên 12,0% và tỷ lệ tái chiết khấu từ 7% lên 12% trong quý I của năm 2011, mặc dù vẫn giữ mức lãi suất cơ bản ở 9,0%, thấp hơn so với tỷ lệ lạm phát (Biểu đồ 3.31.6 bản tiếng Anh).

### 3.31.1: Nghị quyết 11

Nghị quyết 11 được ban hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2011 đưa ra sáu gói chính sách để khôi phục ổn định kinh tế vĩ mô và duy trì an sinh xã hội: thắt chặt chính sách tiền tệ; thắt chặt chính sách tài chính; kìm hãm thâm hụt thương mại; tăng giá điện đồng thời với việc hỗ trợ người nghèo và sử dụng một cơ chế mang tính thị trường hơn đối với việc định giá xăng dầu; tăng cường an sinh xã hội; và nâng cao hiệu quả việc phổ biến thông tin chính sách.

Ngày 1 tháng 3 năm 2011, SBV ban hành một chỉ thị nhằm thực hiện Nghị quyết 11. Chỉ thị này bao gồm việc đặt mục tiêu trần tăng trưởng tín dụng 20% (giảm so với mục tiêu ban đầu là 23%) và mục tiêu tăng trưởng 15%-16% nguồn cung tiền M2 trong năm 2011 (giảm so với mức 21%-24% trước đây). Cả hai mục tiêu này đều thấp hơn nhiều so với năm 2010, khi mà tín dụng tăng ở mức 32,4% và M2 tăng 33,3%.

Để đạt được những mục tiêu trên, SBV đã yêu cầu các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác phải kìm hãm tăng trưởng tín dụng ở mức dưới 20%. Các tổ chức tín dụng cũng được yêu cầu hạn chế cấp tín dụng cho những hoạt động “không mang tính sản xuất” như bất động sản và chứng khoán xuống dưới 22% trong tổng số tiền cho vay tính đến cuối tháng 6 năm 2011 và 16% tính đến cuối năm 2011.

SBV sẽ phạt những tổ chức tín dụng nào không đáp ứng được những mục tiêu trên bằng cách bắt buộc tăng gấp đôi tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức này. SBV cũng tìm cách hạn chế cho vay bằng ngoại tệ đối với việc nhập khẩu

những hàng hoá không thiết yếu, bao gồm tất cả hàng hoá tiêu dùng. SBV cũng giới hạn việc nhập khẩu vàng và chỉ cho phép một số ít công ty được nhập, và cuối cùng là cấm kinh doanh vàng miếng trên thị trường. Những động thái này nhằm giảm những giao dịch đầu cơ tích trữ ngoại tệ và vàng nhằm ổn định tiền Việt Nam đồng.

Về khía cạnh tài chính, Bộ Tài chính cũng đã sửa đổi mục tiêu thâm hụt ngân sách năm 2011 xuống mức dưới 5,0% GDP (thấp hơn so với mức ban đầu là 5,3%). Các Bộ, ngành được yêu cầu phải cắt giảm 10% các chi phí hoạt động không cần thiết (không bao gồm lương và phụ cấp) trong giai đoạn từ giờ đến hết năm.

Mục tiêu thu ngân sách trong năm 2011 cũng được chỉnh sửa tăng thêm 7%-8%. Chính phủ đặt mục tiêu thu thêm thuế thông qua việc nâng cao hiệu quả thực thi quản lý thuế. Chính phủ cũng sẽ giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư của các cơ quan chính phủ và các doanh nghiệp nhà nước.

Bộ Công thương đang xây dựng một kế hoạch để giảm thâm hụt thương mại. Bộ này sẽ cố gắng cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất để xuất khẩu, trong khi hạn chế những mặt hàng nhập khẩu nhất định.

Để tăng cường an sinh xã hội, chính phủ cũng có những biện pháp nhằm bảo vệ những nhóm dễ bị tổn thương khỏi tác động của việc tăng giá điện, cũng như những hỗ trợ có đối tượng khác.

Bộ Thông tin và Truyền thông được chỉ đạo phải kịp thời phổ biến các thông tin chính sách của chính phủ.

Tỷ lệ tái cấp vốn được tăng tiếp lên 13,0% vào ngày 1 tháng 4 năm 2011. Tỷ lệ tái cấp vốn cao hơn làm tăng chi phí đối với các ngân hàng thương mại trong việc vay tiền Việt Nam đồng từ ngân hàng trung ương. SBV đang tìm cách cân bằng nhu cầu nhằm thắt chặt chính sách tiền tệ, với khả năng tác động đối với các doanh nghiệp vốn đã phải đối mặt với mức lãi suất vay quy đổi theo tiền Việt Nam đồng lên đến sát 20%.

Các động thái chính sách được đề xuất bao gồm cả các công cụ thị trường và biện pháp quản lý nhà nước. Các biện pháp kiểm soát này nhiều khả năng sẽ có những tác động tạm thời, nhưng có thể không mang lại hiệu quả nếu được thực hiện lâu dài. Chẳng hạn như kiểm soát kinh doanh vàng thường dẫn tới việc kinh doanh lậu tăng lên. Các biện pháp này cũng tạo ra những bóp méo đối với thị trường.

Dự báo đặt ra giả thuyết là chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ cho tới khi sự ổn định kinh tế vĩ mô được khôi phục. Điều này sẽ hạn chế chi tiêu của người tiêu dùng và các khoản đầu tư có nguồn vốn trong nước.

Các dự báo cũng tính đến những biến chuyển trong quý I của năm 2011. Số liệu sơ bộ cho thấy GDP đã tăng 5,4% trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2011, giảm đi so với mức tăng 7,3% trong quý IV của năm 2010. Nông nghiệp tăng 2,0%, công nghiệp tăng 5,5%, và dịch vụ tăng 6,3%. Sự tăng trưởng mạnh trong quý I có thể thấy ở một số ngành khác: sản xuất công nghiệp tăng 14,0%, doanh số bán lẻ tăng 9%, số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam tăng 12%, và xuất khẩu hàng hóa theo số liệu hải quan tăng 44%. Tính cả năm, sản lượng dầu thô được dự báo ở mức 15 triệu tấn trong năm 2011, bằng với mức của năm 2010.

Trong bối cảnh đó, GDP được dự báo tăng trưởng ở mức 6,1% trong năm 2011 (Biểu đồ 3.31.7 bản tiếng Anh). Tốc độ tăng trưởng được dự đoán sẽ tăng lên mức 6,7% trong năm 2012 khi môi trường kinh tế ổn định hơn kích thích tiêu dùng và đầu tư.

Lạm phát được dự báo tiếp tục ở mức cao trong cả năm 2011, lên mức cao nhất khoảng 16% trong quý III và ở mức trung bình cả năm là 13,3% (Biểu đồ 3.31.8 bản tiếng Anh). Nguyên nhân làm lạm phát tiếp tục tăng (mức trung bình trong quý I của năm là 10,3%) là do tác động của việc thông qua điều chỉnh tỷ giá tiền Việt Nam đồng gần đây cùng với việc tăng giá điện có kiểm soát (tăng 15,3%) và xăng dầu (tăng khoảng 30%) vào tháng 3, cũng như hiệu ứng mức lạm phát so sánh thấp của giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2010.

Việc duy trì thắt chặt chính sách tiền tệ sẽ làm giảm nhu cầu trong nước và góp phần ổn định tỷ giá tiền Việt Nam đồng. Việc giảm lạm phát cả năm xuống một con số vào cuối năm 2011 đòi hỏi tỷ lệ lạm phát trung bình hàng tháng từ giờ đến hết năm phải ở dưới 0,4%.

Tốc độ tăng trưởng giao dịch thương mại toàn cầu chậm dần sau đà hồi phục mạnh của năm 2010 và tác động của việc thắt chặt chính sách đối với nhập khẩu sẽ làm giảm tăng trưởng trong giao dịch ngoại thương của năm nay. Sau khi nhận được những dòng vốn thu được từ du lịch và kiều hối, thâm hụt cán cân thanh toán của Việt Nam được dự báo ở mức 3,8% trong năm 2011 và 3,6% trong năm 2012 (Biểu đồ 3.31.9 bản tiếng Anh).

Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định hơn sẽ kích thích FDI trong giai đoạn được dự báo. Tổng cân bằng thanh toán theo dự đoán sẽ được cải thiện.

Những rủi ro đối với đánh giá tổng quan tập trung vào việc thực hiện Nghị quyết 11. Việc thắt chặt chính sách không tốt hoặc thả lỏng quá sớm – hoặc làm tưởng thả lỏng – đối với các chính sách sẽ duy trì lạm phát ở mức cao lâu hơn và có thể dẫn tới việc mất giá trị các tài khoản bên ngoài. Một kết quả như vậy có thể phải cần tiếp một gói chính sách thắt chặt mới trong vòng một hoặc hai năm.

Một rủi ro khác ở trong nước liên quan đến các doanh nghiệp nhà nước. Vinashin cần đàm phán việc định lại thời điểm trả nợ. Nếu có những bằng chứng cho thấy có thêm những áp lực nợ của doanh nghiệp này hoặc các doanh nghiệp nhà nước khác sẽ làm tổn thương niềm tin của nhà đầu tư.

Sự tăng mạnh trong trái phiếu tín dụng trong nước, khoảng 100 tỷ đô-la trong giai đoạn 2007-2010, đã làm tăng những lo ngại về chất lượng tài sản ngân hàng, cũng như khả năng rủi ro của ngân hàng trong lĩnh vực bất động sản và các doanh nghiệp nhà nước.

Tỷ lệ vay bằng đồng đô-la Mỹ đã tăng mạnh vào đầu năm 2010 khi mà người đi vay lợi dụng những quy định mới cho phép doanh nghiệp có doanh thu bằng Việt Nam đồng được vay đô-la Mỹ (với lãi suất thấp hơn Việt Nam đồng). Nhưng việc cho vay này cũng đi kèm với một rủi ro về tiền tệ, và sau những lần phá giá tiền đồng, một số doanh nghiệp hiện đang phải đối mặt với số nợ lớn hơn quy đổi ra tiền Việt Nam đồng.

Cũng còn một rủi ro nữa là nguồn cung các bộ phận lắp ráp từ Nhật Bản cho ngành công nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, hoặc việc xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, có thể bị dừng lại do ảnh hưởng của trận động đất hôm 11 tháng 3 có thể kéo dài hơn so với dự đoán hiện nay.

Mặc dù vậy, nhìn chung việc thay đổi về chính sách trong năm nay đã giảm được những rủi ro trong nước. Đánh giá về trung hạn vẫn khá tích cực, với điều kiện ổn định kinh tế vĩ mô được khôi phục và duy trì. Việt Nam vẫn là một điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, và có vị thế tốt để hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế ở Trung Quốc. Chi phí lao động tăng cao tại Trung Quốc sẽ chuyển hướng một số dòng vốn FDI sang các nền kinh tế đang phát triển khác ở Châu Á, và nhu cầu tiêu dùng ở Trung Quốc tăng sẽ làm tăng nhu cầu nhập khẩu.

## **Những thách thức đối với phát triển**

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong việc đưa nền kinh tế lên mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2010 và giảm tỷ lệ nghèo đói trong hơn hai thập kỷ qua. Tuy vậy, lạm phát cao, đặc biệt trong giá lương thực, đang đặt ra những nguy cơ đối với những thành tựu xóa đói giảm nghèo. Thách thức trước mắt là khôi phục sự ổn định của nền kinh tế bằng cách thực thi đầy đủ các định hướng chính sách được ban hành vào tháng 2 năm 2011.

Việc duy trì sự ổn định về giá cả và tăng trưởng kinh tế về dài hạn sẽ cần được nâng cao hiệu quả, đặc biệt là tại khu vực kinh tế nhà nước; phát triển hệ thống tài chính; và đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng và giáo dục nhằm giải quyết những nút thắt về nguồn cung.

Các doanh nghiệp nhà nước hiện đang là một vật cản trong nền kinh tế. Các doanh nghiệp này thu hút một số lượng lớn nguồn lực nhưng hiệu quả hoạt động lại thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp tư nhân. Do đó, việc cải thiện hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước sẽ kích thích được tăng trưởng kinh tế và giải phóng những nguồn lực ngân sách để sử dụng cho các mục đích hiệu quả hơn. Không cần quan tâm đến tính chất sở hữu, việc đặt các doanh nghiệp tự kinh doanh, bắt buộc doanh nghiệp phải cạnh tranh, và buộc các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm giải trình về tài chính, đặc biệt đối với các hoạt động không phải chuyên môn, sẽ cải thiện được hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này.

Cũng cần những cải cách tiếp theo nhằm bảo vệ hệ thống tài chính (SBV đã thực hiện bước đi quan trọng trong việc nâng yêu cầu vốn tối thiểu vào năm 2010). Việc giám sát hoạt động của các ngân hàng sẽ được tăng cường nếu năng lực của SBV trong việc giám sát quản lý được nâng cao và một khung giám sát dựa trên rủi ro được thông qua (thay đổi từ hướng tiếp cận dựa trên sự tuân thủ). Một động thái hướng tới áp dụng những tiêu chuẩn quốc tế cho việc cung ứng ngân hàng sẽ góp phần tăng cường sự ổn định của các ngân hàng.

Cuối cùng, việc công bố kịp thời những số liệu kinh tế và tài chính sẽ góp phần xây dựng niềm tin của công chúng và nhà đầu tư.